

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2020

V/v: *Ly hôn và nuôi con*

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hồng Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Hương
2. Bà Lâm Thị Bích Thủy

**Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ** không tham gia phiên tòa .

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 66/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Ly hôn và nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1976

Địa chỉ: số 173A/13, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Đỗ Văn T** sinh năm 1972

Địa chỉ: số 173A/13, ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI D VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Phương D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết không tổ chức đám cưới. Đến ngày 27/10/2003 chị và anh T có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T ghen tuông không tin tưởng chị D, anh T đi nhậu về có đánh chị D, hăm dọa và đòi ly hôn. Vì con cái chị gánh chịu đến nay. Vì vậy, chị D

nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Trung H, sinh năm 1999 đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết, cháu Đỗ Như P, ngày 03/8/2009, hiện tại chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị D là đúng, hai bên không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, được Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2003. Về mâu thuẫn anh cho rằng do chị D đi làm về còn điện thoại cho người khác, anh thấy không vừa lòng nên có ghen tuông với chị, dẫn đến vợ chồng cự cãi nhau, anh còn thương vợ, thương con, nên không đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Trung H, sinh năm 1999 đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết, cháu Đỗ Như P, ngày 03/8/2009, tùy theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, anh T không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay:* Chị Nguyễn Thị Phương D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Văn T, vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh T không lo lắng cho gia đình, thường cự cãi nhau, anh T đánh chị, ghen tuông nghi ngờ chị có người khác, nếu đoàn tụ vợ chồng không hạnh phúc, nên chị nhất quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Như P, sinh ngày 03/8/2009, còn cháu Đỗ Trung H sinh năm 1999 đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Như P. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Đỗ Văn T không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương chị D, anh thừa nhận có đi nhậu về, cự cãi và đánh chị D, do nghi ngờ chị D có người khác nên anh mới xảy ra xung đột như vậy, anh hứa sẽ thay đổi để lo cho vợ con, anh không muốn ly hôn với chị D. Về con chung: có 02 con chung tên Đỗ Trung H, sinh năm 1999 đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết. còn cháu Đỗ Như P, sinh ngày 03/8/2009, nếu nguyện vọng của cháu ở với chị D, anh đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng. anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh không yêu cầu giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về nội D:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương D và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/10/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị D khai trong quá trình chung sống anh T không lo cho gia đình, bất đồng ý kiến thường cãi vã nhau, anh T ghen tuông không tin tưởng chị, đi nhậu về đánh chị. Vì lo cho con nên chị cố gắng chịu đựng. Anh T cho rằng anh có đi nhậu về đánh chị D một lần và thương vợ quá nên có ghen tuông dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc, anh hứa thay đổi tính nết để lo cho gia đình, anh không đồng ý ly hôn. Xét vợ chồng chung sống phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, nhưng anh T không lo lắng mà còn đi nhậu về đánh chị D, nghi ngờ chị D có người khác là vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn được. Vì vậy chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[1.2] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Trung H, sinh năm 1999 vì cháu đã trưởng thành chị D anh T không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Đỗ Như P, sinh ngày 03/8/2009 chị yêu cầu được nuôi dưỡng cũng là ý kiến của cháu P cha mẹ ly hôn muốn ở với mẹ là chị D, anh T cho rằng anh cũng có nguyện vọng nuôi con, nhưng nguyện vọng của cháu muốn ở với ai anh đồng ý. Xét cháu Như P có nguyện vọng cha mẹ ly hôn muốn ở với mẹ, Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Như P cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Đỗ Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[1.3] Về cấp dưỡng nuôi con : Chị Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Phương, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[1.4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Phương D được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Như P, sinh ngày 03/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Phương D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Đối với cháu Đỗ Trung H, sinh năm 1999 đã trưởng thành chị D anh T không yêu cầu giải quyết.

Anh Đỗ Văn T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Phương, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Phương D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005565 ngày 18/02/2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự
- Lưu HSPA

**Võ Thị Hồng Diệp**





